TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 3 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Dung T, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Số 4A/6 LL, khu phố PH, phường TT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Võ Tuấn V, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị Dung T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh V tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung năm 2019. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không ai hiểu ai. Gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Võ Tuấn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Dung T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Võ Tuấn V là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh V đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh V.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh V kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh V được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo T xác định quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không ai hiểu ai. Gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả và vợ chồng đã ly thân. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T với anh V đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xãy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh V không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Dung T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Dung T được ly hôn với anh Võ Tuấn V.

2. Về án phí dân sự: Chị Phạm Thị Dung T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000748 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Phạm Thị Dung T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh